TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HN-ST

Ngày: 22-5-2023

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Ông Phạm Văn Nam

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2023, về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trần Hùng L, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị K có mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/01/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Trần Hùng L. Lý do: Chị và anh Trần Hùng L do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được

Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2016. Quá trình sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn do thường hay cự cãi nhau, xảy ra xô sát. Anh L uống rượu, về nhà thường hay đánh chị. Mâu thuẫn kéo dài, chị không chịu đựng được cũng không có hướng giải quyết mâu thuẫn nên vợ chồng không còn hạnh phúc, sống chung không vui vẻ. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Trần Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 10/8/2018, đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

** Bị đơn anh Trần Hùng L có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2023:*

Chị K xin ly hôn, anh đồng ý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cự cãi nhau. Điều kiện tiến đến hôn nhân là do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên nhà chị K ở ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, được khoảng 07 -08 năm mới phát sinh tranh chấp. Anh thấy buồn nên về nhà cha mẹ ruột ở ấp P, xã N, huyện Mỏ Cày Nam sinh sống.

Về con chung là Trần Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 10/8/2018, đang sống chung với chị K. Anh đồng ý để chị K trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng. Nếu có tiền bao nhiêu thì anh sẽ cho con bấy nhiều.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Xin vắng mặt các lần Tòa án triệu tập.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K; Con chung: Trần Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 10/8/2018, để chị K trực tiếp nuôi con, ghi nhận chị K không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Chị K và anh L trình bày không có, không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Chị K và anh L bày không có, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*; Trong đó xác định chị Nguyễn Thị Thúy K là nguyên đơn, anh Trần Hùng L là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Trần Hùng L có đơn xin vắng, có lý do, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K, thấy rằng:

Tại tòa, chị K vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Anh L cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Anh L có sinh sống và làm việc tại địa phương, gia đình có kinh tế bình thường. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, địa phương không nắm được do không nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh L và chị K.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh L là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn về việc chị K cho rằng quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị K cho rằng anh L thường uống rượu và về đánh chị, chị nhận thấy hôn nhân đã không còn hạnh phúc, gia đình không còn vui vẻ nên xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không đến Tòa và cũng có ý kiến đồng ý ly hôn do vợ chồng thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Trần Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 10/8/2018 hiện đang sống với chị K. Chị K đề nghị được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng từ khi sinh ra con đã sống cùng với chị K, đã quen với điều kiện sinh sống bên mẹ. Anh L cũng đồng ý để chị K nuôi con. Do đó, để chị K trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp. Chị K không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Hùng L cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Hùng L cùng trình bày không có, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị K chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với anh Trần Hùng L.

2. Về con chung: Trần Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 10/8/2018. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thúy K được trực tiếp nuôi con. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thúy K không yêu cầu anh Trần Hùng L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Hùng L cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Trần Hùng L cùng trình bày không có, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Nguyễn Thị Thúy K phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004763 ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng